

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 - 8 - 2024.  
V/v Ly hôn, tranh chấp về chia  
tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thay;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Liêu Văn T**, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông T:* Ông **Vương Sơn H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị Thiên Th**, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Liêu Văn T trình bày:*

Năm 1978, ông và bà Đoàn Thị Thiên Th sống chung với nhau, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng càng về sau việc sống chung

không hạnh phúc nữa, vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau. Đến năm 2015, ông đi nơi khác sinh sống, ly thân với bà Th cho đến nay. Nay, về hôn nhân, ông yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị Thiên Th. Về con chung, ông và bà Th có 04 con chung, có 01 con chung đã chết, còn 03 con chung tên Liêu Văn S, sinh năm 1987; Liêu Văn G, sinh năm 1990 và Liêu Thị Thanh T1, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình sống chung, ông và bà Th có tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 710,40 m<sup>2</sup>, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (theo đo đạc thực tế là 579,8 m<sup>2</sup>, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43) đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Th đứng tên chủ sử dụng. Nguồn gốc đất có được là do ông và bà Th nhận chuyển nhượng của người khác (ông U) vào năm 1978 số tiền là 15.000 đồng, khi nhận chuyển nhượng không làm giấy tờ, đất lúc đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1993, ông đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên chủ sử dụng. Đến năm 2000 thì làm thủ tục cấp đổi lại sổ mới nhưng ông bị mất chứng minh nhân dân nên ông để bà Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Ông vẫn sinh sống với bà Th trên phần đất này từ năm 1978 đến năm 2015, do có mâu thuẫn với bà Th nên ông chuyển đi nơi khác sinh sống. Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Th giữ. Nay, về tài sản ông yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất trên, yêu cầu chia đôi và nguyện vọng được nhận giá trị tài sản số tiền là 750.000.000 đồng. Về nợ chung: Ông bà Th không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – Bà Đoàn Thị Thiên Th trình bày:*

Bà và ông T sống chung với nhau vào năm 1985, không có đăng ký kết hôn, việc sống chung là tự nguyện, không ai ép buộc. Sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 (không nhớ chính xác) thì ông T bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác cho đến nay. Bà và ông T có 04 người con chung, có 01 con chung đã chết, còn lại 03 con chung hiện tại đã trưởng thành. Nay, ông T yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn với ông T. Về con chung, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản là quyền sử dụng đất mà ông T yêu cầu chia có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của bà Cự (không rõ họ và tên) vào năm nào bà cũng không nhớ. Khi nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng với giá bao nhiêu bà cũng không nhớ, diện tích khoảng hơn 01 công đất, có làm giấy tay chuyển nhượng nhưng hiện tại đã bị thất lạc. Đến năm 2001, thì bà được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên chủ sử dụng diện tích là 710,4 m<sup>2</sup>, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Đất lúc đầu nhận chuyển nhượng là hơn 01 công đất, sau đó ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên trong giấy chứng nhận.

Sau đó ông T bỏ nhà đi yêu cầu bà chia cho 10 ngang đất nên bà có chia cho ông T 01 phần 10 m ngang x dài hết đất. Phần còn lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bà đang giữ, không thể chấp, cầm cố cho tổ chức, cá nhân nào. Nay, ông T yêu chia tài sản chung như trên bà không đồng ý, vì đây là quyền sử dụng đất của bà. Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 33, 56, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Liêu Văn T đối với bà Đoàn Thị Thiên Th.

Về con chung: Ghi nhận, các con chung đã trưởng thành, ông T bà Th không yêu cầu giải quyết;

Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về của ông Liêu Văn T về chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn. Giao toàn bộ tài sản chung cho bà Th được quyền sử dụng, sở hữu. Bà Th trả cho ông T giá trị tài sản chung là 30% trên tổng giá trị tài sản.

Án phí, chi phí tố tụng đương sự chịu theo quy định;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Liêu Văn T là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 1985, Ông Liêu Văn T và bà Đoàn Thị Thiên Th chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hạnh phúc

nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên gây gổ với nhau. Ông bà đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay, ông Tyêu cầu ly hôn với bà Thanh.

- Về con chung: có 04 người con chung gồm: Liêu Văn S, sinh năm 1988; Liêu Văn G, sinh năm 1990; Liêu Thị Thanh T1, sinh năm 1993 và Liêu Thị Thanh H sinh năm 1992 (chết năm 2012). Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung là phần đất theo đo đạc thực tế là diện tích: 579,8 m<sup>2</sup> thửa đất số: 33, tờ bản đồ 43; đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T được UBND huyện Tân Châu cấp ngày 14/11/2001 do bà Đoàn Thị Thiên Th đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Ông yêu cầu chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng đất, yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền là 750.000.000 đồng. Còn các tài sản khác không tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông Liêu Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Liêu Văn T và bà Đoàn Thị Thiên Th chung sống từ năm 1985, không đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Th được pháp luật công nhận là hôn nhân thực tế. Ông bà đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Ông T yêu cầu ly hôn, bà Th đồng ý ly hôn Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Thanh.

[4] Về nuôi con chung: Ông T, bà Th có 04 con chung tên Liêu Văn S, sinh năm 1988; Liêu Văn G, sinh năm 1990; Liêu Thị Thanh T1, sinh năm 1993; Liêu Thị Thanh H sinh năm 1992 (chết năm 2012). 03 con chung đã trưởng thành, ông T, bà Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần tài sản đang tranh chấp là phần đất theo đo đạc thực tế là diện tích: 579,8 m<sup>2</sup> thửa đất số: 33, tờ bản đồ 43; đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T được Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14/11/2001 do bà Đoàn Thị Thiên Th đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét về nguồn gốc phần đất bà Th trình bày nhận chuyển nhượng từ trước thời điểm ông T bỏ nhà đi (khoảng 2000 - 2004), khi ông T đi có yêu cầu chia đất thì bà đã chia 10 m ngang x dài hết đất cho ông T. Còn lại diện tích 710,40 m<sup>2</sup> bà đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Th cũng thừa nhận bà cùng ông T ký tên chuyển nhượng đất cho bà Th1. Do đó, có căn cứ xác định tài sản trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Th và ông T. Bà Th cho rằng đã chia cho ông T 10 m ngang x dài hết đất nhưng bà Th không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[6] Xét hoàn cảnh của gia đình và của ông T, bà Th: Ông T, bà Th đã ly thân. Hiện tại, bà Th là người trực tiếp sử dụng đất và các tài sản trên đất còn ông T đang thuê nhà trọ để sinh sống. Các con của ông T, bà Th đã trên 18 tuổi. Ông T yêu cầu

được nhận giá trị tài sản chung, giao tài sản chung cho bà Th sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất hiện tại bà Th đang quản lý, sử dụng, nên để ổn định cuộc sống của ông T, bà Th nên để cho bà Th tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất, còn ông T nhận giá trị tài sản là phù hợp.

[7] Xét công sức đóng góp của ông T, bà Th trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khối tài sản chung này được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân của ông T, bà Th. Công sức đóng góp của ông bà là ngang nhau. Ông T và bà Th đều xác định trong thời gian chung sống, ông T thường xuyên bỏ nhà đi. Từ năm 2015 đến nay bà Th là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất trên. Do đó bà Th là người có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc quản lý, giữ gìn tài sản. Mặt khác, sau khi ly thân bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, mặc dù hiện tại các con chung đã trên 18 tuổi nhưng bà Th là người đã trực tiếp nuôi các con chưa thành niên sau khi ông T bỏ đi. Nên chia cho bà Th phần nhiều hơn cụ thể chia cho bà Th 07 phần, chia ông T 03 phần trong tổng giá trị thừa đất là phù hợp theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản định giá ngày 13/3/2024, thì tài sản của ông T, bà Th (quyền sử dụng đất) có giá trị là 1.404.000.000 đồng.

Việc chia tài sản chung được tính cụ thể chia như sau: Ông T được chia giá trị tài sản là 421.200.000 đồng (03 phần trong tổng số tiền 1.404.000.000 đồng), bà Th được chia giá trị tài sản là 982.800.000 đồng (07 phần trong tổng số tiền 1.404.000.000 đồng). Do bà Th đang quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất nên bà Th tiếp tục được sở hữu, quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất này và có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho ông T số tiền 421.200.000 đồng là phù hợp.

[8] Về án phí: Ông Liêu Văn T phải chịu án phí sơ thẩm; bà Đoàn Thị Thiên Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà Th được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản: Tổng cộng là 28.000.000 đồng: ông T, bà Th mỗi người phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà ông T, bà Th được chia.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 33, 56, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các

Điều 147, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Liêu Văn T và bà Đoàn Thị Thiên Th.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận, 03 con chung đã trưởng thành, ông T, bà Th không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Chia cho bà Đoàn Thị Thiên Th được quyền quản lý, sử dụng:

01 phần đất diện tích 710,40 m<sup>2</sup>, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34, các tài sản trên đất, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (theo đo đạc thực tế là 579,8 m<sup>2</sup>, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43) đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Th đứng tên chủ sử dụng.

Có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa số 29; hướng Tây giáp đường Lê Quý Đôn; hướng Nam giáp đường 30/4; Bắc giáp thửa số 31 (có sơ đồ kèm theo).

3.2. Bà Đoàn Thị Thiên Th phải thanh toán cho ông Liêu Văn T số tiền 421.200.000 (bốn trăm hai mươi một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Liêu Văn T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Đoàn Thị Thiên Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Liêu Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 20.848.000 (hai mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn) đồng án phí sơ thẩm chia tài sản khi ly hôn. Tổng cộng là 21.148.000 (hai mươi một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0005711 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Như vậy, ông T phải nộp tiếp số tiền 18.348.000 (mười tám triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị Thiên Th được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản: Ông Liêu Văn T phải chịu 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng, bà Đoàn Thị Thiên Th phải chịu 19.600.000 (mười chín triệu sáu trăm nghìn) đồng. Do ông T đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên bà Th có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền 19.600.000 (mười chín triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Liêu Văn T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Đoàn Thị Thiên Th còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Thị Xuân Lan**